

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2019/HN-ST

Ngày: 18/4/2019

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Châu Vũ Bình**

Ông **Nguyễn Quốc Thuận**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần Thị Xuân A**, sinh năm 1993.

Cư trú: số 112, ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Đỗ Hoàng B**, sinh năm 1989.

Cư trú: số 140, ấp Long An, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Trần Thị Xuân A trình bày:

Chị và anh Đỗ Hoàng B cưới nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh B không quan tâm đến vợ con, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, chị đã cho anh B nhiều cơ hội nhưng anh không thay đổi. Năm 2018 chị đã nộp đơn xin ly hôn, sau đó chị rút đơn để anh B thay

đổi nhưng từ rút đơn về đến nay vẫn không có kết quả nên anh chị đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Hoàng B.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2016 hiện đang sống với chị B. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Hoàng B trình bày:

Anh thống nhất lời rình bày của chị A về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng gia đình vợ anh tạo mâu thuẫn chia rẽ vợ chồng nên tháng 4/2018, vợ anh bỏ ra đi lần thứ hai và nộp đơn ly hôn ra Tòa án. Anh không chấp nhận ly hôn, anh yêu cầu Tòa yêu cầu vợ anh và gia đình vợ phải cho phép anh và gia đình anh chăm sóc thăm nom cũng như rước cháu Thùy D. Vợ anh và gia đình vợ luôn tìm cách ngăn cản không cho anh và gia đình tiếp xúc và rước bé về chơi. Chị A luôn tìm cách trốn tránh, cắt liên lạc giữa anh và chị cũng như liên lạc giữa anh và cháu bé, anh đã nhờ chính quyền thì họ không giải quyết.

Nay, anh không đồng ý ly hôn, nếu cho ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị A và anh đồng ý giao cháu D cho chị A nuôi dưỡng nhưng phải cho anh tới lui thăm nom, chăm sóc và rước cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: anh B khai không có.

* *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Xuân A và anh Đỗ Hoàng B. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2016 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị A không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Xuân A và anh Đỗ Hoàng B tổ chức cưới năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn

ngày 17/8/2016 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị A xin ly hôn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh B không quan tâm đến vợ con, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, chị đã cho anh B nhiều cơ hội nhưng anh không thay đổi. Năm 2018 chị đã nộp đơn xin ly hôn, sau đó chị rút đơn để anh B thay đổi nhưng từ rút đơn về đến nay vẫn không có kết quả nên anh chị đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Tại phiên tòa, anh B đồng ý ly hôn với chị A nghĩ nên ghi nhận là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2016, hiện đang sống với chị. Xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị A là có cơ sở bởi lẽ, cháu Thùy D do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng và cháu dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, tại phiên tòa, anh B đồng ý giao cháu Thùy D cho chị A nuôi dưỡng được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A, anh B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Xuân A

- Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Xuân A và anh Đỗ Hoàng B.

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 07/11/2016 cho chị Xuân A nuôi dưỡng; chị Xuân A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A, anh B khai không có

- Về án phí HNST:

Chị Trần Thị Xuân A phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0015716 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị A đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đương sự;
- UBND xã Quơn Long;.
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình

